

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1101/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; bà N có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Đắc K, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; ông K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N trình bày: Bà và ông Hồ Đắc K chung sống với nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 25 tháng 5 năm 2020. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông K tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu

cầu ly hôn với ông **K**.

Về con chung: Giữa bà và ông **K** có hai con chung tên **Hồ Thanh N1**, sinh ngày 18/10/1995 và **Hồ Ngọc D**, sinh ngày 19/11/2001. Khi ly hôn do hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Đắc K trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà **Nguyễn Thị Bé N** về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn như bà **N** trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông **K** trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông **K** thừa nhận có đi nhậu về nói nhiều nhưng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Nay bà **N** yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, lý do ông còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông và bà **N** có hai con chung tên **Hồ Thanh N1**, sinh ngày 18/10/1995 và **Hồ Ngọc D**, sinh ngày 19/11/2001. Khi ly hôn do các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Bé N** khởi kiện yêu cầu “Tranh chấp ly hôn” với bị đơn ông **Hồ Đắc K**. Ông **K** đang cư trú tại **ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An** nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Bé N**:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà **Nguyễn Thị Bé N** và ông **Hồ Đắc K** tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/HT2020, đăng ký ngày 20/5/2020 do Ủy ban nhân dân xã **H, huyện Đ, tỉnh Long An** cấp nên hôn nhân giữa bà **N** và ông **K** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, bà **N** cho rằng bà và ông **K** đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông **K** có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu. Ông **K** thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng cho rằng nguyên nhân nhỏ nhất không đến mức phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho thời hạn để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng tại phiên tòa bà **N** vẫn cương quyết

yêu cầu được ly hôn với ông K. Hơn nữa ông K không có đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà N để bà N hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà N và ông K là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N đối với ông K là toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Bé N và ông Hồ Đắc K thống nhất trong quá trình chung sống có hai con chung tên Hồ Thanh N1, sinh ngày 18/10/1995 và Hồ Ngọc D, sinh ngày 19/11/2001. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Hồ Đắc K thống nhất trình bày tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Hồ Đắc K đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé N về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn ông Hồ Đắc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với ông Hồ Đắc K.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Hồ Đắc K thống nhất trình bày trong quá trình chung sống có hai con chung tên Hồ Thanh N1, sinh ngày 18/10/1995 và Hồ Ngọc D, sinh ngày 19/11/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Hồ Đắc K thống nhất trình tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Hồ Đắc K đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006143 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành. Bà Nguyễn Thị Bé N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé N và bị đơn là ông Hồ Đắc K có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành